TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HSST
Ngày 25 -11 -2020

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn; ông Vũ Quốc Phòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2020/HSST ngày 11 tháng 11 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Trịnh Ngọc A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Tvà bà Trương Thị Y; vợ: Đinh Thị Th (đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Ngày 13/3/2018, bị TAND huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/5/2019, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/9/2013, bị TAND huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, đã được xóa án tích; bị tạm giữ từ ngày 24/9/2020, đến ngày 30/9/2020 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Phạm Đức Q, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q và bà Vũ Thị L; vợ: Đinh Thị Th, con: có 01 con sinh năm 2004; tiền án: Ngày 08/11/2018, bị TAND huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/5/2020, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/3/1999, bị TAND quận T, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù nH1 cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản của công

dân" theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985, đã được xóa án tích. Ngày 29/10/2015, bị TAND huyện P, thành phố Hà Nội áp dụng Điều 25 Bộ luật hình sự năm 1999: Tuyên miễn trách nhiệm hình sự về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (do chuyển biến của tình hình nên hành vi của Phạm Đức Q không còn nguy hiểm cho xã hội nữa). Ngày 30/7/2003, bị UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 642 về việc "Đưa vào cơ sở giáo dục", thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 05/8/2004. Ngày 27/02/2006, bị UBND quận H, thành phố Hà Nội ra Quyết định số 138 về việc "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc", chấp hành xong ngày 29/02/2008. Ngày 28/02/2008, Trung tâm GDLĐHN áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, thời hạn từ ngày 08/3/2008 đến 30/12/2008, chấp hành xong ngày 30/12/2008. Ngày 21/5/2013, bị UBND quận H, thành phố Hà Nội ra Quyết định số 2813 về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 16/6/2013; bị tạm giữ từ ngày 24/9/2020, đến ngày 30/9/2020 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. Đàm Quang Đ, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn V, xã K, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Q T (đã chết) và bà Phạm Thị Ph; vợ: Đặng Thị Th; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

*** Bị hại:** Chị Tống Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ A Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Anh Phạm Hữu N, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện P, thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 2, số nhà 7, ngách x, ngõ 521 T, phường G, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Trịnh Văn Th, sinh năm 1970 (vắng mặt); chị Trương Thị Y, sinh năm 1970 (vắng mặt); cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội.

+ Bà Trần Thanh H3, sinh năm 1968 (vắng mặt); ông Lê Đình H4, sinh năm 1961 (vắng mặt); cùng địa chỉ: SN 291 phố N, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

*** Người làm chứng:** Bà Hoàng Thị L; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08h ngày 23/9/2020, Trịnh Ngọc A điều khiển xe mô tô Attila BKS 90B1 - 123.xx đến nhà Phạm Đức Q ở cùng thôn chơi, thấy Q chuẩn bị đi Hà Nội, Ngọc A nói "Em đi với, A có tiền chưa", Q nói "Mày có tiền không", Ngọc A nói "Em không có, hay A em mình đi loanh quanh xem có gì lấy không

để bán lấy tiền". Q đồng ý nói "Ừ". Ngọc A điều khiển xe mô tô BKS 90B1 - 123.xx chở Q đi đến khu vực thôn H, xã M, thị xã D tìm xem có tài sản của ai sơ hở sẽ trộm cắp. Ngọc A và Q nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S BKS 27F8 – 03yy của chị Tống Thị H đang dựng ở vệ đường bê tông, chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa. Ngọc A và Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. Q nói với Ngọc A "Xe có chìa khóa, quay lại lấy đi". Ngọc A chở Q quay lại chỗ dựng chiếc xe BKS 27F8 – 03yy, thấy xung quanh không có người, Ngọc A nói "A để em lấy, A chạy xe đi". Q đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 90B1 - 123.xx, còn Ngọc A tiến sát chiếc xe mô tô BKS 27F8 – 03yy rồi ngồi lên xe điều khiển đi lên đê sông Hồng về phía Hà Nội. Khi đi đến khu vực thôn B, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội thì Ngọc A và Q dừng xe lại bên đường để kiểm tra trong cốp xe thì thấy có 01 chiếc áo mưa màu đỏ đã cũ và 01 túi nilon đựng 20 thA kim loại sáng màu có gắn bánh xe. Ngọc A tháo chiếc gương chiếu hậu bên phải bỏ vào cốp xe BKS 27F8 – 03yy rồi cả hai cùng về nhà Q. Q lấy kìm và tô vít tháo chiếc BKS 27F8 – 03yy, tháo nốt chiếc gương chiếu hậu bên trái rồi bỏ cả biển số và chiếc gương chiếu hậu vào trong cốp xe mô tô BKS 27F8 – 03yy. Q nói với Ngọc A "Đi bán xe". Ngọc A đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 27F8 – 03yy theo chỉ dẫn của Q đến nhà Đàm Q Đ ở thôn V, xã K, huyện P, thành phố Hà Nội để bán chiếc xe mô tô BKS 27F8 – 03yy. Gặp Đ, Q nói "Ông mua giúp cháu con xe không có giấy tờ", Đ nói "Tao không mua đâu, xe này chúng mày lấy trộm à", Q nói "Vâng, ông mua giúp cháu đi, ông trả bao nhiêu", Đ nói "Chúng mày lấy trộm ở đâu", Q nói "Chúng cháu lấy ở gần cầu Y", Đ nói "Xe này cũ nát lắm, tao mua với giá đồng nát thôi, nếu được tao mua với giá 800.000đ để cho cô đi đồng". Ngọc A và Q đồng ý bán. Đ lấy 800.000đ đưa cho Ngọc A. Sau khi mua được chiếc xe mô tô BKS 27F8 – 03yy, Đ lắp lại 02 chiếc gương chiếu hậu và dùng chiếc BKS 30M – 64xx lắp vào chiếc xe vừa mua được của Ngọc A và Q nhằm tránh bị phát hiện trong quá trình sử dụng. Số tiền bán được chiếc xe mô tô BKS 27F8 – 03yy Ngọc A và Q tiêu xài hết. Sau khi phát hiện bị mất chiếc xe mô tô BKS 27F8 – 03yy, chị Tống Thị H làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 đăng ký xe mô tô BKS 27F8 – 03yy; 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila màu trắng, BKS 90B1 - 123.xx, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thanh H (do chị Trương Thị Yn giao nộp); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S đeo BKS 30M – 64zz, 01 áo mưa màu đỏ có KT (149 x 114)cm đã cũ, 20 sản phẩm kim loại có bánh xe màu trắng được để trong một túi màu trắng (do Đàm Q Đ giao nộp).

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Đức Q thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội thu giữ tại nền đá hoa gầm cầu thang tầng một 01 chiếc kìm dài 20cm, chuôi bằng nhựa màu đỏ có chiều dài 13cm, 01 tô vít đầu hai cạnh dài 21cm. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Ngọc A và Đàm Q Đ: Không thu giữ gì.

Kết luận định giá tài sản số 36 ngày 23/9/2020: Chiếc xe mô tô Honda Wave S, BKS 27F8 – 03yy có giá trị 6.000.000đ, 01 áo mưa màu đỏ có giá trị

10.000đ, 20 sản phẩm kim loại có bánh xe màu trắng có giá trị 80.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 6.090.000đ.

Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 09/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố bị cáo Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Đàm Q Đ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58; 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đàm Q Đ. Xử phạt: Trịnh Ngọc A từ 18 đến 24 tháng tù; xử phạt Phạm Đức Q từ 15 đến 18 tháng tù; xử phạt Đàm Q Đ từ 9 đến 12 tháng tù nH1 cho hưởng án treo. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q mỗi bị cáo 400.000đ. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về xử lý vật chứng và án phí của vụ án.

Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không có trA luận gì. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Duy Tiên và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên và Kiểm sát viên*: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Do có ý định trộm cắp tài sản từ trước, khoảng 09 giờ 00 phút ngày 23/9/2020, tại đường bê tông thuộc thôn H, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, Trịnh Ngọc A và Phạm Đức Q đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 27F8 – 03yy và một số đồ vật, tài sản trong cốp xe có tổng giá trị 6.090.000đ của chị Tống Thị H. Sau khi lấy trộm được chiếc xe mô tô trên Ngọc A và Q mang bán cho Đàm Q Đ được 800.000đ. Toàn bộ số tiền này Ngọc A và Q tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương; hành vi của Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của Đàm Q Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét vai trò các bị cáo: Trịnh Ngọc A là người khởi xướng, rủ rê thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò đầu về tội "Trộm cắp tài sản"; Phạm Đức Q là người cùng thực hiện tội phạm nên giữ vai trò đồng phạm.

[3] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q có nhân thân rất xấu, bị cáo Đàm Q Đ có nhân thân tốt. Các bị cáo Ngọc A, Q phạm tội khi đang có tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng Đàm Q Đ "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ nhận định trên, HĐXX nhận thấy các bị cáo Ngọc A, Q đều có nhân thân xấu mặc dù nhiều lần bị kết án nhưng các bị cáo không chịu cải sửa vì thế cần phải ấn định mức hình phạt nghiêm khắc cách ly khỏi xã hội một thời gian, đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với Đàm Q Đ có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng xét thấy không cần cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của gia đình, xã hội tạo điều kiện cho bị cáo cải sửa mình. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Về số tiền 800.000đ các bị cáo Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q chiếm hưởng bất hợp pháp xét thấy cần truy thu mỗi bị cáo 400.000đ sung ngân sách nhà nước.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại là chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét

[6] *Về vật chứng vụ án*:

Đối với xe mô tô BKS 27F8 – 03yy: giấy tờ xe mang tên Vũ Mạnh H ở tổ 2, phường N, thành phố Đ tuy nhiên qua xác minh tại địa chỉ trên không có ai là Vũ Mạnh H; chị H khai mua của A Nguyễn Văn H1, A H1 khai mua lại chiếc xe này của một người ở thành phố Đ với giá 13.200.000đ. Do không còn nhu cầu sử dụng nên đến năm 2014 anh đã bán cho chị Tống Thị H với giá 12.000.000đ. Xét thấy chị Tống Thị H đang sử dụng chiếc xe này, không có tranh chấp gì, không là vật chứng của vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H xe mô tô và đăng ký xe, 01 áo mưa, 20 sản phẩm kim loại có bánh xe là phù hợp.

Đối với xe mô tô Attila BKS 90B1 - 123.xx: mang tên chủ sở hữu Trần Thanh H, sinh năm 1968 ở phố N, phường Đ, thị xã D. Chị H khai năm 2002 chị mua chiếc xe này và đăng ký BKS 90F4 – 12xx tên chị. Do không còn nhu cầu sử dụng nên đến năm 2017 chồng chị đã bán cho A Trịnh Văn Th, sinh năm 1970 (là chồng chị Trương Thị Y) ở thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội với giá 2.000.000đ. Sau khi mua chiếc xe này, A Thịnh đã đăng ký lại BKS nên có BKS 90B1 - 123.xx nhưng vẫn để tên Trần Thanh H. Ngày 23/9/2020, Trịnh Ngọc A (là con trai của A Th, chị Y) dùng chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nhưng anh Th, chị Y không biết. Do vậy cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Th là phù hợp.

Đối với chiếc biển kiểm soát 30M – 64zz mà Đàm Q Đ lắp vào chiếc xe mô tô BKS 27F8 – 0342, kết quả điều tra xác định A Phạm Hữu N, sinh năm 1972 ở thôn V, xã K, huyện P, thành phố Hà Nội trên đường đi làm nhặt được chiếc BKS 30M – 64zz nên mang về cho Đàm Q Đ. Chiếc biển 30M – 64zz được gắn với xe mô tô nhãn hiệu Honda có số khung 048605, số máy 1348631 mang tên Phạm Văn H2 ở tổ 7 G, T, H, Hà Nội. A H2 khai năm 2010 anh mua chiếc xe mô tô Dream và đăng ký BKS 30M – 64zz nhưng đã bị rơi mất BKS 30M – 64zz nên anh đã làm lại BKS. Do vậy nay anh không có nhu cầu xin lại BKS 30M – 64zz vì thế cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 chiếc kìm dài 20cm, chuôi bằng nhựa màu đỏ dài 13cm, 01 tô vít đầu hai cạnh cần tịch thu tiêu hủy.

[7] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58; 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đàm Q Đ.

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Bị cáo Đàm Q Đ phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Xử phạt:

+ Trịnh Ngọc A 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2020.

+ Phạm Đức Q 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2020.

+ Đàm Q Đ 09 (Chín) tháng tù nH1 cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/11/2020).

Giao bị cáo Đàm Q Đ cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

* Truy thu đối với mỗi bị cáo Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q số tiền 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) sung ngân sách nhà nước.

2. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếc BKS 30M - 6468, 01 chiếc kìm có chiều dài 20cm, chuôi bằng nhựa màu đỏ có chiều dài 13cm, 01 tô vít đầu hai cạnh.

Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an thị xã Duy Tiên và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên.

3. *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Trịnh Ngọc A, Phạm Đức Q, Đàm Q Đ mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Đ iều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận:</u>
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an thị xã Duy Tiên;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Thuận